

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03 /GPMT-UBND

Quận 10, ngày 30 tháng 9 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 6797/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc phân công Ông Huỳnh Văn Tâm – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về thành lập Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmart Lý Thường Kiệt” tại địa chỉ 497 Hòa Hảo, Phường 7, Quận 10;

Căn cứ Bản nhận xét của thành viên Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở “Siêu thị Co.opmart Lý Thường Kiệt” do Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Saigon Co.op Toàn Tâm làm chủ đầu tư, kiểm tra ngày 04 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Công văn số 1313/UBND-TNMT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmart Lý Thường Kiệt” do Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Saigon Co.op Toàn Tâm làm chủ đầu tư;

Xét Văn bản số 02/TT/CVGT-GPMT/2024 ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Saigon Co.op Toàn Tâm về việc bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Siêu thị

Co.opmart Lý Thường Kiệt” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1250/TTr-TNMT ngày 12 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Saigon Co.op Toàn Tâm, địa chỉ tại Trung tâm thương mại – văn hóa – dịch vụ - giải trí số 497 Hòa Hảo, Phường 7, Quận 10 được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmart Lý Thường Kiệt” tại địa chỉ số 497 Hòa Hảo, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Siêu thị Co.opmart Lý Thường Kiệt”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 497 Hòa Hảo, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0313294132 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 06 năm 2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Người đại diện theo pháp luật 1: Ông Trần Lâm Hồng – Chức danh Chủ tịch công ty.

Người đại diện theo pháp luật 2: Bà Bùi Thị Giáng Thu – Chức danh Giám đốc.

1.4 Mã số thuế: 0313294132.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô của cơ sở: Cơ sở không thuộc quy định tại số thứ tự 12 mục V, Phụ lục III và số thứ tự 11 mục IV, Phụ lục IV Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; cơ sở hoạt động theo Quyết định số 714/QĐ-TNMT-QLMT ngày 03/09/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường Siêu thị Co.opmart Lý Thường Kiệt, Giấy xác nhận số 4045/GXN-TNMT-CCBVM ngày 28/06/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận hoàn thành việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Siêu thị Co.opmart Lý Thường Kiệt, Công văn số 9381/STNMT-CCBVM ngày 31/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

chấp thuận điều chỉnh công suất hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH TMDV Saigon Co.op Toàn Tâm (tăng công suất từ 120 m³/ngày.đêm lên 150m³/ngày.đêm và điều chỉnh công nghệ hệ thống xử lý nước thải).

- Tổng diện tích khu đất: 9.012 m² bao gồm 01 tầng hầm và 04 tầng cao với tổng diện tích sàn là 13.382,18 m², được thuê lại từ Trường Đại học Bách Khoa, thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1810/QĐ-UB ngày 22/4/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao đất cho Trường Đại học Bách Khoa để xây dựng Ký túc xá sinh viên tại địa chỉ số 497 Hòa Hảo, Phường 7, Quận 10, trong đó chấp thuận cho Trường Đại học Bách Khoa được phép cho thuê lại làm khu thương mại dịch vụ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Saigon Co.op Toàn Tâm có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ

rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Thực hiện các thủ tục, pháp lý liên quan và bàn giao mặt bằng lại cho Trường Đại học Bách Khoa, thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng theo đúng mục đích, chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố giao khi có yêu cầu.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *ken*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Saigon Co.op Toàn Tâm;
- TTUB: CT, PCT/QLĐT;
- VPUB: C, PVP/TH;
- Phòng TNMT;
- UBND Phường 7;
- Cổng thông tin điện tử của UBND Q10;
- Lưu: VT, TNMT (PTLAnh). *2h*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Tâm



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **03** /GPMT-UBND ngày **30/9**/2024 của Ủy ban nhân dân Quận 10)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, khách hàng.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động chế biến thực phẩm, hoạt động kinh doanh của các cửa hàng ăn uống.
- Nguồn số 03: Nước thải từ các hoạt động khác như vệ sinh sàn, rửa dụng cụ,...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung trên đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả thải:

- Vị trí đầu nối xả thải: hố ga của hệ thống thoát nước chung trên đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí giữa cây số 90 và 92.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 1190735$; $Y(m) = 599378$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $150\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, $6,25\text{ m}^3/\text{giờ}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải được bơm cưỡng bức vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Lý Thường Kiệt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (hệ số $K=1$), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	50		

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100	định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	(theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải đen (nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu,...): được thu gom theo đường ống uPVC D60mm, D114mm, D168mm tập trung về các bể tự hoại của cơ sở. Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống uPVC D114mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm của Cơ sở.

- Nước thải xám (nước thải từ lavabo, vệ sinh sàn,...): được thu gom theo đường ống uPVC D60mm, D90mm, sau đó theo đường ống uPVC D114mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm của Cơ sở.

- Nước thải từ các khu vực chế biến thức ăn: tại mỗi quầy có hoạt động sơ chế thức ăn đều bố trí các thiết bị tách rác và tách dầu mỡ sơ bộ, nước thải sau khi qua thiết bị tách rác và tách dầu mỡ được dẫn theo đường ống uPVC D 60 mm về bể tách

mỡ thể tích 24 m^3 sau đó theo đường ống uPVC D220 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ của Cơ sở.

- Sau đó, toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và bể tách dầu sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở với công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được bố trí ngầm tại khuôn viên phía trước cơ sở để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận – hệ thống thoát nước chung trên đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa từ các tầng và tầng mái được thu gom qua các phễu thu và theo đường ống trục uPVC D90mm và D114 xuống hố ga thu nước mưa. Đối với hệ thống thu gom, thoát nước tầng hầm, chủ Cơ sở đã bố trí các ống uPVC D80mm để thu nước tầng hầm, nước mưa sau đó theo đường ống uPVC D114mm đầu nối vào hố ga thoát nước thành phố trên đường Lý Thường Kiệt. Toàn bộ nước mưa từ cơ sở được thu gom dẫn về hố ga tập trung (nước mưa) nội bộ của cơ sở sau đó đầu nối vào hố ga thoát nước chung của Thành phố (trên đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 10).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (bao gồm nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn và nước thải từ khu vực chế biến thức ăn sau bể tách dầu mỡ) → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí 1 → Bể sinh học hiếu khí 2 → Bể sinh học MBR → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1) → dẫn về hố ga nội bộ của cơ sở (tại vị trí phía trước địa chỉ số 497 đường Hòa Hảo, Phường 7, Quận 10, gần cây số 90 đường Lý Thường Kiệt) → hố ga của hệ thống thoát nước chung trên đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí giữa cây số 90 và 92.

- Công suất thiết kế: $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: HCl, Javel.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết (các loại bơm chìm, bơm định lượng, máy thổi khí..) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Bố trí, đào tạo nhân sự nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc trường hợp phải lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm, căn cứ theo *khoản 4, điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022* của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Lý Thường Kiệt); xây dựng hồ ga đầu nối nước thải sau xử lý (*tại vị trí phía trước địa chỉ số 497 đường Hòa Hảo, Phường 7, Quận 10, gần cây số 90 đường Lý Thường Kiệt*) để thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát môi trường.

3.3. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động có phát sinh nước thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh nước thải khi hệ thống xử lý nước thải đã khắc phục xong.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Chủ cơ sở có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-UBND ngày 30 / 9 /2024
của Ủy ban nhân dân Quận 10)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (quạt hút thu mùi).
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực chế biến thực phẩm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^0)
1	Dòng khí thải số 01	Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải	X(m):1190012 Y(m): 599488
2	Dòng khí thải số 02	Khí thải phát sinh từ khu vực chế biến thực phẩm	X(m): 1190019 Y(m): 599519

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $3.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $14.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

+ Nguồn số 01: Phát tán ra ngoài môi trường thông qua 01 ống thoát khí thải uPVC D60 mm đặt tại tầng mái của cơ sở, ống có chiều cao vượt mái 1,9m.

+ Nguồn số 02: Phát tán ra ngoài môi trường thông qua 01 ống thoát khí thải bằng thép kích thước 200 x 200 mm đặt phía sau cơ sở (tần suất hoạt động không thường xuyên), ống có chiều cao 5,6m so với mặt đất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, hệ số $K_p=1,0$, $K_v=0,6$), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	120	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	300		
3	Nitơ oxit (NO _x)	mg/Nm ³	510		
4	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	600		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải và mùi tại các bể của hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt ống thu gom.

- Nguồn số 02: Khí thải được thu gom bằng quạt hút mùi và qua ống dẫn khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải nguồn số 01 → Hệ thống ống dẫn → Thoát ra qua ống thoát khí đặt trên tầng mái của cơ sở.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

- Số ống khói: 1 ống

- Chiều cao: vượt mái 1,9m.

- Kết cấu: nhựa uPVC.

- Vị trí ống khói: Ống thoát khí được bố trí tại tầng mái của cơ sở.

- Đánh giá các đối tượng xung quanh khu vực ống thoát khí của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, cụ thể như sau:

+ Phía Đông: giáp khuôn viên cơ sở đến Ký túc xá Đại học Bách Khoa – ĐHQG TP.HCM, khoảng cách từ ống thoát khí đến khu Ký túc xá khoảng 61 m.

+ Phía Tây: giáp đường Lý Thường Kiệt đến nhà dân phía đối diện, khoảng cách từ ống thoát khí đến nhà dân khoảng 38 m.

+ Phía Nam: giáp đường Đào Duy Từ đến nhà dân phía đối diện, khoảng cách từ ống thoát khí đến nhà dân khoảng 37 m.

+ Phía Bắc: giáp khoảng không gian trống và đường Hòa Hảo đến nhà dân, khoảng cách từ ống thoát khí đến nhà dân khoảng 80 m.

- Đánh giá về hướng gió: Hai hướng gió chính tại TP.HCM là Tây – Tây Nam và Bắc – Đông Bắc.

+ Gió Tây – Tây Nam: khu vực ảnh hưởng là khoảng không gian trống phía Tây – Tây Nam cơ sở.

+ Gió Bắc – Đông Bắc: khu vực ảnh hưởng là khoảng không gian trống phía Đông – Đông Nam cơ sở.

Các đối tượng xung quanh khu vực ống thoát khí của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở chủ yếu là khoảng không gian trống, ngoài ra, khoảng cách từ ống thoát mùi đến dân cư lân cận là khá xa và ống thoát mùi được bố trí cao vượt mái, do đó, tác động từ ống thoát khí của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đến các đối tượng xung quanh là không đáng kể. Chủ đầu tư cam kết thực hiện cải tạo, bố trí lại ống thoát khí của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở nếu gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh cơ sở. Vị trí bố trí ống thoát khí của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở phải đảm bảo không gây tác động đến hoạt động của nhân viên và khách hàng tại cơ sở cũng như người dân xung quanh.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải số 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải nguồn số 02 → Chụp thu khí → Quạt hút mùi → Thoát ra qua ống thoát khí đặt phía sau cơ sở.

- 01 chụp hút với kích thước: (DxR) 3 m x 0,8 m. Vật liệu bằng thép.

- 01 quạt hút mùi với công suất: $P = 4 \text{ kW}$; Lưu lượng: $Q = 14.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- 01 ống thải khí; Kết cấu: Thép; Chiều cao ống khói $H = 5,6 \text{ m}$ so với mặt đất. Vị trí: Ống thải được bố trí phía sau cơ sở.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

- Đánh giá các đối tượng xung quanh khu vực ống thoát khí khu vực chế biến thực phẩm của cơ sở, cụ thể như sau:

+ Phía Đông: giáp khu vực sân bóng đến Ký túc xá Đại học Bách Khoa – ĐHQG TP.HCM, khoảng cách từ ống thoát khí đến khu Ký túc xá khoảng 28 m.

+ Phía Tây: giáp khuôn viên cơ sở và đường Lý Thường Kiệt đến nhà dân, khoảng cách từ ống thoát khí đến nhà dân khoảng 66 m.

+ Phía Nam: giáp đường Đào Duy Từ đến nhà dân phía đối diện, khoảng cách từ ống thoát khí đến nhà dân khoảng 41 m.

+ Phía Bắc: giáp khuôn viên cơ sở và đường Hòa Hảo đến nhà dân, khoảng cách từ ống thoát khí đến nhà dân khoảng 82 m.

- Đánh giá về hướng gió: Hai hướng gió chính tại TP.HCM là Tây – Tây Nam và Bắc – Đông Bắc.

+ Gió Tây – Tây Nam: khu vực ảnh hưởng là khoảng không gian trống phía Tây – Tây Nam cơ sở.

+ Gió Bắc – Đông Bắc: khu vực ảnh hưởng là khoảng không gian trống phía Đông – Đông Nam cơ sở.

Các đối tượng xung quanh khu vực ống thoát khí khu vực chế biến thực phẩm của cơ sở chủ yếu là khuôn viên cơ sở và giáp gần nhất với Ký túc xá Đại học Bách Khoa – ĐHQG TP.HCM, do đó, tác động từ việc xả khí khu vực chế biến thực phẩm đến các đối tượng xung quanh là không đáng kể.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị quạt, thông gió.
- Trang bị các thiết bị dự phòng như: quạt hút, chụp hút và các vật tư thay thế cho thiết bị lọc không khí.
- Bố trí nhân viên vận hành có chuyên môn, được đào tạo, tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường và tập huấn phòng chống ứng cứu sự cố rủi ro cho nhân viên của cơ sở.
- Đảm bảo vận hành thường xuyên hệ thống xử lý đúng kỹ thuật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc trường hợp phải lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm, căn cứ theo *khoản 4, điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022* của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải; khói mùi tại khu vực chế biến thực phẩm và khí thải, mùi từ khu vực lưu chứa chất thải rắn tại cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải, mùi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh bụi, khí thải khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đã khắc phục xong.

3.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.





Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **03** /GPMT-UBND ngày **30** / **9** /2024
của Ủy ban nhân dân Quận 10)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống làm lạnh trung tâm.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ hoạt động kinh doanh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X(m): 1190034; Y(m): 599475;
- Nguồn số 02: X(m): 1190024; Y(m): 599517;
- Nguồn số 03: X(m): 1190007; Y(m): 599487;
- Nguồn số 04: X(m): 1190037; Y(m): 599494.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:
 - + Tiến hành đăng ký kiểm tra giám định máy móc thiết bị hàng năm để tránh các sự cố liên quan, các máy móc đã lắp đặt sẽ được bảo dưỡng thường xuyên.
 - + Kiểm tra định kỳ, bôi trơn hoặc thay thế chi tiết hỏng.
 - + Máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải được bố trí trong phòng điều hành và cách âm với khu vực xung quanh.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:
 - + Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn trong môi trường làm việc.
 - + Giảm chấn: sử dụng lò xo giảm chấn và đế cao su.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Chủ cơ sở chịu trách nhiệm khi tiếng ồn, độ rung phát sinh từ cơ sở không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ngoài môi trường.
- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **03** /GPMT-UBND ngày **30/9** /2024
của Ủy ban nhân dân Quận 10)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	30
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	40
Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5
Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	5
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	10
Tổng			90

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường: giấy văn phòng, bao nylon, thùng carton, giấy báo,...	100
2	Bùn thải từ HTXLNT	14.580
3	Dầu mỡ từ bể tách mỡ	60
4	Dầu ăn đã qua sử dụng	1.200

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt: + Chất thải có nguồn gốc thực phẩm: thực phẩm, thức ăn thừa,... + Chất thải có khả năng tái chế: vỏ hộp thải, vỏ lon và giấy,... + Chất thải còn lại	792.480

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được chứa trong 04 thùng chứa dung tích 240 lít, 01 can nhựa dung tích 50 lít, cấu tạo bằng vật liệu nhựa HDPE, có dán nhãn tên, mã chất thải phân loại, ký hiệu cảnh báo, có nắp đậy theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Thực hiện ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho chứa có diện tích 10 m² tại tầng hầm của cơ sở.
- Thiết kế, cấu tạo: Phòng lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được xây dựng nền bằng bê tông chống thấm, có cửa khóa, có gờ cao chống tràn. Phòng có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa CTNH và được dán nhãn phân loại. Trang bị thiết bị phòng cháy, chữa cháy và ứng phó sự cố tràn đổ, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Phế liệu được xếp thành từng chồng và cố định bằng dây buộc. Các chất thải được ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết có diện tích 25 m² tại tầng hầm của cơ sở.
- Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn là nền đá bê tông kín khít, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 19 thùng chứa dung tích 240 lít tại khu vực tập kết, cấu tạo bằng vật liệu nhựa HDPE và có dán nhãn phân biệt tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở. Các chất thải được phân loại và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết có diện tích 20 m² tại khuôn viên cơ sở phía đường Đào Duy Từ.
- Thiết kế, cấu tạo: phòng lưu chứa tập trung có mái che, nền bê tông chống thấm; bố trí rãnh thoát nước nhằm thu nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh thùng rác, vệ sinh khu vực tập kết rác; có gờ ngăn nước thải thoát ra từ khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

Cơ sở không có hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các

mỗi van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **03** /GPMT-UBND ngày **30** / **9** /2024 của Ủy ban nhân dân Quận 10)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

- Bảo đảm nước thải, mùi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở được giảm thiểu, thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được phân loại, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị khu vực xung quanh cơ sở.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quy hoạch, xây dựng, lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm và các quy định pháp luật có liên quan.

- Hợp tác và cung cấp mọi thông tin có liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu trữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất gửi cơ quan chức năng theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.